

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2021

V/v: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Quyền

2. Bà Ngô Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25-02-2021 bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ cùng đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phạm Thị Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 01 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái khi sống cùng nhau vợ chồng hạnh phúc đến tháng 11 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nhiều lần vợ chồng cãi nhau nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau nhiều lần anh H uống rượu say đánh chị Y vô cớ những mâu thuẫn này chị Y và anh H đã nhiều lần hòa giải xong không thành. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung cháu Nguyễn Ái S, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2004 và cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2012 khi ly hôn chị Y đề nghị Tòa án giải quyết được nuôi dưỡng cháu H1 còn anh H nuôi dưỡng cháu S. Chị Y và anh H nuôi dưỡng

các cháu đến khi đủ 18 tuổi, chị Y không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Văn H tự thỏa thuận phân chia nên chị Y không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Văn H không nợ ai nên chị Y không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nhưng tại bản tự khai trong hồ sơ anh H trình bày.

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H xác nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng như chị Phạm Thị Y đã trình bày là đúng. Anh H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, nay chị Y đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn H xác nhận có 02 con chung cháu Nguyễn Ái S, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2004 và cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2012 khi ly hôn anh H đề nghị Tòa án giải quyết được nuôi dưỡng cháu S còn chị Y nuôi dưỡng cháu H1. Anh H và chị Y nuôi dưỡng các cháu đến khi đủ 18 tuổi anh H không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị Y tự thỏa thuận phân chia nên anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị Y không nợ ai nên anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Y và bị đơn anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Phạm Thị Y và bị đơn anh Nguyễn Văn H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 01 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái đây là hôn nhân hợp pháp khi sống cùng nhau vợ chồng hạnh phúc đến tháng 11 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nhiều lần vợ chồng cãi nhau nguyên nhân do quan điểm sống bất đồng, tính cách không hợp nhau những mâu thuẫn đó chị Y và anh H đã nhiều lần hòa giải xong không thành. Nay chị Y xác định tình cảm vợ chồng đã hết chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Văn H và anh H cũng đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo phiên hòa giải nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do thể hiện anh Nguyễn Văn H không thiện chí hòa giải. Từ đó có căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Văn H đã đến mức trầm trọng, đời sống không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia

đình để chấp nhận yêu cầu của chị Y, xử cho chị Phạm Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

[3] *Về con chung*: Chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung cháu Nguyễn Ái S, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2004 và cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2012 khi ly hôn chị Y và anh H thống nhất chị Y nuôi dưỡng cháu H1. Anh H nuôi dưỡng cháu S, cháu H1 có nguyện vọng ở cùng chị Y còn cháu S có nguyện vọng được ở cùng anh H. Từ những căn cứ nêu trên xét thấy đề nghị của chị Y được nuôi dưỡng cháu H1 và anh H được nuôi dưỡng cháu S là chính đáng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu do đó cần giao cháu H1 cho chị Y, giao cháu S cho anh H. Chị Y và anh H trực tiếp nuôi dưỡng các cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Văn H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị Phạm Thị Y phải chịu tiền án phí ly hôn dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn H

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Phạm Thị Y nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2012. Anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ái S, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2004. Chị Y và anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0005443, ngày 25-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (xác nhận chị Y đã nộp đủ tiền án phí ly hôn dân sự sơ thẩm)

Án xử công khai sơ thẩm. Chị Phạm Thị Y và anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Yên Bái;
 - VKSND huyện Văn Yên;
 - Chi cục THADS huyện Văn Yên;
 - Các đương sự;
 - UBND xã Đ,
- huyện V, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Lâm

